



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# CÔNG BÁO

*Thành phố Hồ Chí Minh*

Số 49

Ngày 01 tháng 11 năm 2015

## MỤC LỤC

Trang

### PHẦN VĂN BẢN KHÁC

#### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- |            |  |    |
|------------|--|----|
| 18-9-2015- | Quyết định số 4676/QĐ-UBND về duyệt nhiệm vụ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 (điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000) khu dân cư Phường Cầu Kho, Quận 1. | 3  |
| 18-9-2015- | Quyết định số 4684/QĐ-UBND phê duyệt Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc lĩnh vực quản lý của Thanh tra Thành phố Hồ Chí Minh.   | 13 |
| 18-9-2015- | Quyết định số 4685/QĐ-UBND phê duyệt Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc lĩnh vực quản lý của Sở Quy hoạch - Kiến trúc thành phố Hồ Chí Minh.                          | 23 |
| 18-9-2015- | Quyết định số 4687/QĐ-UBND về Đào tạo công nghệ thông tin trong chương trình đào tạo Trung cấp lý luận Chính trị - Hành chính của Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh.       | 28 |

- 19-9-2015- Quyết định số 4692/QĐ-UBND phê duyệt Đề án phân cấp quản lý nhà nước về Du lịch trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 35
- 23-9-2015- Quyết định số 4734/QĐ-UBND phê duyệt Kế hoạch kiểm tra thực hiện ISO điện tử đối với việc xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 tại các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước tại Thành phố Hồ Chí Minh năm 2015. 48
- 23-9-2015- Quyết định số 4736/QĐ-UBND về duyệt nhiệm vụ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 (điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000) Khu dân cư liên Phường 13, 14, 15, Quận 5. 56

## PHẦN VĂN BẢN KHÁC

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4676/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 9 năm 2015*

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về duyệt nhiệm vụ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000  
(điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000)  
khu dân cư Phường Cầu Kho, Quận 1**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 24/2010/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 10/2010/TT-BXD ngày 11 tháng 8 năm 2010 của Bộ Xây dựng quy định hồ sơ của từng loại quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 28/2011/QĐ-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định về điều chỉnh quy hoạch đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 50/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn Thành phố;

Căn cứ Quyết định số 62/2012/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về sửa đổi một số điều của Quyết định số 50/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung Quận 1 đã được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt tại Quyết định số 6790/QĐ-UB-QLĐT ngày 18 tháng 12 năm 1998;

Xét đề nghị của Sở Quy hoạch - Kiến trúc tại Tờ trình số 3019/TTr-SQHKT ngày 27 tháng 8 năm 2015 về trình phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 (điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000) khu dân cư phường Cầu Kho, Quận 1,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Duyệt nhiệm vụ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 (điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000) khu dân cư phường Cầu Kho, Quận 1, với các nội dung chính như sau:

#### **1. Vị trí, phạm vi ranh giới, diện tích, tính chất khu vực quy hoạch:**

- Vị trí khu vực quy hoạch: phường Cầu Kho, Quận 1 nằm phía Tây Nam của Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

- Giới hạn khu vực quy hoạch như sau:

+ Phía Tây Bắc: giáp Phường Nguyễn Cư Trinh với ranh là đường Trần Hưng Đạo.

+ Phía Tây Nam: giáp Quận 5 với ranh là đường Nguyễn Văn Cừ.

+ Phía Đông Bắc: giáp Phường Cô Giang với ranh là đường Trần Đình Xu.

+ Phía Đông Nam: giáp Quận 4 với ranh là Kênh Bến Nghé.

- Tổng diện tích khu vực quy hoạch: 34,2 ha.

- Tính chất của khu vực quy hoạch: Khu dân cư hiện hữu cải tạo chỉnh trang.

#### **2. Cơ quan tổ chức lập nhiệm vụ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000:**

Ủy ban nhân dân Quận 1 (Chủ đầu tư: Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng Công trình Quận 1).

**3. Đơn vị tư vấn lập nhiệm vụ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000:**

Công ty Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Sài Thành.

**4. Danh mục hồ sơ, bản vẽ nhiệm vụ quy hoạch phân khu:**

- Thuyết minh nhiệm vụ quy hoạch phân khu (bổ túc lần 2 ngày 15 tháng 4 năm 2015);
- Thành phần bản vẽ bao gồm:
  - + Sơ đồ vị trí khu vực quy hoạch trích từ quy hoạch chung Quận 1.
  - + Bản đồ ranh giới nghiên cứu, phạm vi khu vực lập quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000.

**5. Dự báo quy mô dân số, các chỉ tiêu sử dụng đất, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đô thị trong khu vực quy hoạch:****5.1. Dự báo quy mô dân số:**

Khoảng 27.000 - 29.000 người (dân số hiện trạng 17.945 người - theo khảo sát điều tra năm 2012).

**5.2. Các chỉ tiêu dự kiến về sử dụng đất, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật đô thị toàn khu vực quy hoạch:**

STT	Loại chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu
A	Chỉ tiêu sử dụng đất toàn khu quy hoạch	m <sup>2</sup> /người	≥12,67
B	Chỉ tiêu đất các đơn vị ở	m <sup>2</sup> /người	9,0-10,0
C	Các chỉ tiêu sử dụng đất trong đơn vị ở		
	Đất nhóm nhà ở	m <sup>2</sup> /ng	5,0-5,5
	- Đất công trình giáo dục cấp đơn vị ở (trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở)	m <sup>2</sup> /ng	0,6-0,7 (nghiên cứu thêm để đáp ứng chỉ tiêu)
	- Đất cây xanh sử dụng công cộng (vườn hoa, sân chơi, sân bãi TDTT)	m <sup>2</sup> /ng	≥ 0,5

	- Đất công trình dịch vụ đô thị khác cấp đơn vị ở. Trong đó: + Trạm y tế. + Chợ. + Trung tâm TDTT (luyện tập).  + Điểm sinh hoạt văn hóa ( <i>nếu có</i> ) + Trung tâm hành chính cấp phường ( <i>nếu có</i> ) + Trung tâm dịch vụ khác....( <i>nếu có</i> ).	m <sup>2</sup> /ng  m <sup>2</sup> /ng m <sup>2</sup> m <sup>2</sup> /ng hoặc ha/c.trình m <sup>2</sup>  m <sup>2</sup>  m <sup>2</sup>	0,7-1,1  (Cần nghiên cứu, đề xuất cụ thể trong giai đoạn lập bước đồ án)
	Đất giao thông cấp phân khu vực	km/km <sup>2</sup>	10,1-13,3
<b>D</b>	<b>Chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật</b>		
	Đất giao thông tính đến mạng lưới đường khu vực (từ đường Khu vực trở lên), kể cả giao thông tĩnh	%	≥ 13,3
	Tiêu chuẩn cấp nước	lít/người/ngày	180
	Tiêu chuẩn thoát nước	lít/người/ngày	180
	Tiêu chuẩn cấp điện	Kwh/người/năm	2.000-2500
	Tiêu chuẩn rác thải	kg/người/ngày	1,0-1,3

Lưu ý: Đất cây xanh và các công trình dịch vụ đô thị còn thiếu so với QCXĐ VN. Với đặc điểm khu dân cư hiện hữu, việc bổ sung diện tích cây xanh, công trình dịch vụ đô thị cần được quy định bố trí vào các các dự án xây dựng dựng mới. Các quy định này cần được nêu trong Quy định thực hiện theo quy hoạch được duyệt.

#### **6. Các yêu cầu và nguyên tắc cơ bản về phân khu chức năng, kiến trúc, kết nối hạ tầng trong khu vực quy hoạch:**

- Trên cơ sở định hướng phát triển không gian và định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội tại từng khu vực theo đồ án điều chỉnh quy hoạch chung Quận 1 và đồ án điều chỉnh quy hoạch chung Thành phố đã được phê duyệt và các QCXĐ Việt Nam, các Quy định về quản lý kiến trúc đô thị hiện hành để xác định các khu chức năng, các chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị phù hợp tại từng khu chức năng, từng ô đường;

- Nội dung nghiên cứu của đồ án cần đáp ứng yêu cầu theo định hướng các quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực; mạng lưới giao thông được tổ chức và kết nối theo tầng bậc, được cập nhật và đảm bảo kết nối hạ tầng kỹ thuật của các dự án đầu tư xây dựng, các đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 trong phạm vi khu vực quy hoạch; kết nối đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội với các quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 (hoặc quy hoạch phân khu) tiếp giáp khu vực quy hoạch, phù hợp với đồ án điều chỉnh quy hoạch chung quận 1 và đồ án điều chỉnh quy hoạch chung Thành phố đã được phê duyệt.

- Ưu tiên bố trí các công trình cao tầng dọc các trục giao thông chính có động lực phát triển như đường Võ Văn Kiệt, đường Trần Hưng Đạo, Nguyễn Văn Cừ... không gian kiến trúc thấp dần về phía sau. Bố trí các cụm công trình có chức năng dịch vụ - thương mại (cao tầng) tại các khu vực trung tâm.

- Thực hiện chủ trương chung của Ủy ban nhân dân Thành phố đã áp dụng cho khu vực 930 ha, tại các khu đất hiện hữu, chỉnh trang cho phép cải tạo, xây dựng mới cho các hộ gia đình với quy mô không quá 5 tầng, hệ số sử dụng đất 3 - 4. Đặc biệt khuyến khích các nhà đầu tư liên doanh liên kết để có đủ khả năng tự bồi thường, giải phóng mặt bằng cho cả một ô phố để tiến hành đầu tư xây dựng các khu phức hợp với hệ số sử dụng đất khoảng 6-8. Tương tự như các khu dân cư xây dựng mới, các khu tái thiết đô thị này cũng cần phải dành 15% diện tích đất dự án cho cây xanh và 10% cho các công trình công cộng. Ưu tiên, khuyến khích các dự án có tỷ lệ đất cây xanh cao hơn 15%. Những khu vực đặc biệt có thể chấp nhận hệ số sử dụng đất cao hơn để khuyến khích đầu tư theo nguyên tắc mà Ủy ban nhân dân Thành phố đã áp dụng cho khu vực 930ha.

- Trường hợp việc bồi thường, giải phóng mặt bằng quá khó khăn, Ủy ban nhân dân Quận có thể xem xét cho phép các chủ đầu tư trình duyệt bản vẽ quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 cả lô đất với phương án phân kỳ đầu tư phù hợp.

- Các công trình dịch vụ công cộng, khu công viên cây xanh, sân chơi - thể dục thể thao, v.v... đảm bảo bán kính phục vụ cho các nhóm nhà ở và các đơn vị ở phù hợp với QCVN 01:2008/BXD.

- Công viên cây xanh: tận dụng các quỹ đất trống, hoang hóa nhằm phân bổ diện tích công viên cây xanh và sân chơi thể dục thể thao tập trung cho các đơn vị ở kết hợp khai thác cảnh quan dọc rạch Bến Nghé hiện hữu, tổ chức mảng xanh kết hợp mặt nước tạo không gian thông thoáng, vi khí hậu tốt, thuận lợi cho người dân tiếp cận sử dụng.

- Dọc các tuyến Kênh Bến Nghé cần nghiên cứu đề xuất các tuyến đường giao thông ven sông, kênh, rạch có kết nối với mạng lưới giao thông toàn khu, phù hợp với cảnh quan bờ sông, kênh, rạch. Đối với việc mở rộng hoặc nắn hướng tuyến các tuyến đường hiện hữu, cần lưu ý tính khả thi, tránh xáo trộn lớn đến cuộc sống của cộng đồng dân cư.

### **7. Yêu cầu đánh giá môi trường chiến lược:**

- Đánh giá hiện trạng môi trường về điều kiện địa hình; điều kiện tự nhiên; chất thải rắn, nước thải, tiếng ồn ; các vấn đề xã hội, văn hóa, cảnh quan thiên nhiên;

- Phân tích, dự báo những tác động tích cực và tiêu cực ảnh hưởng đến môi trường và lồng ghép trong quy hoạch các giải pháp nhằm thích nghi, giảm thiểu tác động do biến đổi khí hậu, không gây ngập úng trong khu vực quy hoạch. Đề xuất hệ thống các tiêu chí bảo vệ môi trường để đưa ra các giải pháp quy hoạch không gian và hạ tầng kỹ thuật tối ưu cho khu vực quy hoạch;

- Đề ra các giải pháp giảm thiểu, khắc phục tác động đối với dân cư, cảnh quan thiên nhiên; không khí, tiếng ồn khi triển khai thực hiện quy hoạch đô thị;

- Lập kế hoạch giám sát môi trường về kỹ thuật, quản lý và quan trắc môi trường.

### **8. Hồ sơ sản phẩm của đồ án, tiến độ và tổ chức thực hiện:**

#### **8.1. Danh mục, hồ sơ sản phẩm của đồ án :**

- Thuyết minh tổng hợp;
- Sơ đồ vị trí và giới hạn khu đất, tỷ lệ 1/10.000;
- Bản đồ hiện trạng kiến trúc cảnh quan và đánh giá đất xây dựng, tỷ lệ 1/2.000;
- Các bản đồ hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và bảo vệ môi trường, tỷ lệ 1/2.000, bao gồm:
  - + Bản đồ hiện trạng hệ thống giao thông;
  - + Bản đồ hiện trạng cao độ nền và thoát nước mặt;
  - + Bản đồ hiện trạng hệ thống cấp điện chiếu sáng;
  - + Bản đồ hiện trạng hệ thống cấp nước;
  - + Bản đồ hiện trạng hệ thống thoát nước thải và xử lý chất thải rắn;
  - + Bản đồ hiện trạng hệ thống thông tin liên lạc;



+ Bản đồ hiện trạng môi trường.

- Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất, tỷ lệ 1/2.000 (có thể hiện sơ đồ thu nhỏ xác định ranh các đơn vị ở trên bản vẽ này);

- Sơ đồ tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan, tỷ lệ 1/2.000;

- Bản đồ quy hoạch giao thông;

- Bản đồ chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng (*tùy theo nội dung và quy mô đồ án, có thể gộp chung với bản đồ quy hoạch giao thông*);

- Các bản đồ quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác và môi trường, tỷ lệ 1/2.000, bao gồm:

+ Bản đồ quy hoạch cao độ nền và thoát nước mặt đô thị;

+ Bản đồ quy hoạch cấp điện và chiếu sáng đô thị;

+ Bản đồ quy hoạch cấp nước đô thị;

+ Bản đồ quy hoạch thoát nước thải và xử lý chất thải rắn đô thị;

+ Bản đồ quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc;

- Bản đồ tổng hợp đường dây, đường ống kỹ thuật;

- Bản đồ đánh giá môi trường chiến lược;

- Dự thảo Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000;

- Đĩa CD lưu trữ toàn bộ hồ sơ đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 bao gồm thuyết minh, bản vẽ và dự thảo Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch phân khu.

## **8.2. Tiến độ và tổ chức thực hiện:**

### **a) Tiến độ thực hiện:**

- Thời gian lập, trình thẩm định đồ án: chậm nhất tháng 11 năm 2015.

- Thời gian phê duyệt đồ án: chậm nhất tháng 12 năm 2015.

### **b) Tổ chức thực hiện:**

- Cơ quan tổ chức lập quy hoạch: Ủy ban nhân dân Quận 1 (Chủ đầu tư: Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng Công trình Quận 1).

- Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Sài Thành.

- Cơ quan thẩm định: Sở Quy hoạch - Kiến trúc.

- Cơ quan phê duyệt: Ủy ban nhân dân Thành phố.

### **9. Các điểm lưu ý khi nghiên cứu, lập đồ án (điều chỉnh) quy hoạch phân khu:**

- Về kiến trúc cảnh quan - thiết kế đô thị khu vực: nội dung nghiên cứu về tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan cần giữ gìn tính chất đặc thù, phát huy được bản sắc, đồng thời xác định các khu vực dọc các Kênh Bến Nghé. Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị khu vực cụ thể (Quy chế cấp 2) theo Nghị định số 38/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về quản lý không gian, kiến trúc cảnh quan đô thị và Thông tư số 19/2010/TT-BXD ngày 22 tháng 10 năm 2010 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị, làm cơ sở quản lý xây dựng và phát triển đô thị theo quy hoạch.

- Tại các khu dân cư hiện hữu, cần xác định rõ các khu vực, phạm vi được áp dụng Quyết định số 135/2007/QĐ-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2007 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành quy định về kiến trúc nhà liên kế trong khu đô thị hiện hữu tại Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định số 45/2009/QĐ-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 135/2007/QĐ-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2007 của Ủy ban nhân dân Thành phố (các Quyết định này được xem như là tiêu chuẩn thiết kế áp dụng tại Thành phố); trên cơ sở chức năng sử dụng đất hiện trạng và định hướng tổ chức phát triển không gian kiến trúc tại từng khu vực để áp dụng các Quyết định nêu trên trong nội dung nghiên cứu lập đồ án quy hoạch, không áp dụng tràn lan trong phạm vi quy hoạch. Tại các khu đất có chức năng sử dụng hỗn hợp cần xác định cơ cấu, tỷ lệ các chức năng sử dụng đất (ưu tiên dành quỹ đất để bố trí công trình công cộng, cây xanh), quy mô dân số để cân đối, xác định các chỉ tiêu sử dụng đất về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội cho phù hợp trong phạm vi quy hoạch.

- Về bố trí các công trình hạ tầng kỹ thuật: trong phạm vi đồ án cần nghiên cứu bố trí các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo phục vụ cho khu vực quy hoạch và cấp đô thị, phù hợp với định hướng điều chỉnh quy hoạch chung Quận 1.

- Quy hoạch hệ thống đường giao thông phù hợp với tính chất là một khu đô thị hiện hữu cải tạo, chỉnh trang, kết nối đồng bộ theo tầng bậc, đồng thời cải tạo mở rộng các tuyến đường hiện hữu cho phù hợp mạng lưới giao thông theo quy hoạch chung quận 1 và tỷ lệ giao thông theo quy chuẩn xây dựng, song song với việc nâng cấp hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật hiện hữu.

- Cần lưu ý dành quỹ đất thích hợp (đặc biệt là các quỹ đất công) để bố trí các công trình phúc lợi công cộng - hạ tầng xã hội, cây xanh; đồng thời lưu ý dành quỹ đất phù hợp để bố trí các công trình bến bãi đậu xe, phù hợp với quy hoạch phát triển giao thông, bến bãi trên địa bàn Thành phố.

- Căn cứ vào định hướng phân khu chức năng và phát triển không gian, cảnh quan kiến trúc, đảm bảo đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, cần xác định các khu vực, quỹ đất phù hợp để xây dựng nhà ở tái định cư, nhà ở thu nhập thấp, nhà ở xã hội trong phạm vi quy hoạch để đáp ứng nhu cầu theo chương trình phát triển nhà ở tái định cư, nhà ở thu nhập thấp, nhà ở xã hội trên địa bàn Thành phố.

- Tại các khu vực ven Kênh Bến Nghé, cần lưu ý tuân thủ về chỉ giới hành lang sông, kênh, rạch đã được quy định tại Quyết định số 150/2004/QĐ-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2004 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định quản lý, sử dụng hành lang sông, kênh, rạch trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

- Cần lưu ý tiếp thu, ghi nhận và giải trình các ý kiến đóng góp của cộng đồng dân cư có liên quan đến đồ án quy hoạch (theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ cơ sở) để có giải pháp quy hoạch phù hợp, khả thi.

- Căn cứ các Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ Thành phố, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ địa phương và trên cơ sở định hướng phát triển đô thị theo từng giai đoạn, các chương trình, công trình trọng điểm của Thành phố, quy hoạch - kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch - kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, quy hoạch phát triển ngành - lĩnh vực; cần xác định các phân kỳ thực hiện, có dự kiến các dự án ưu tiên đầu tư trong phạm vi quy hoạch để làm cơ sở tổ chức thực hiện quy hoạch. Đây cũng là cơ sở để các tổ chức chính trị - xã hội, cộng đồng dân cư thực hiện việc giám sát trong quá trình quản lý, tổ chức thực hiện theo quy hoạch đã được phê duyệt.

- Nội dung hồ sơ, hình thức, quy cách thể hiện bản vẽ đồ án cần thực hiện theo Quyết định số 21/2005/QĐ-BXD ngày 22 tháng 7 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc ban hành quy định hệ thống ký hiệu bản vẽ trong các đồ án quy hoạch xây dựng và Thông tư số 10/2010/TT-BXD ngày 11 tháng 8 năm 2010 của Bộ Xây dựng quy định hồ sơ của từng loại quy hoạch đô thị. Tầng cao công trình cần được xác định theo QCVN 03:2012/BXD.

## **Điều 2. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan**

- Sở Quy hoạch-Kiến trúc, Ủy ban nhân dân Quận 1, Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng công trình Quận 1, đơn vị tư vấn chịu trách nhiệm về tính chính xác của các nội

dung nghiên cứu, các số liệu đánh giá hiện trạng tính toán chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật thể hiện trong thuyết minh và trong hồ sơ, bản vẽ trình duyệt nhiệm vụ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu dân cư phường Cầu Kho, Quận 1.

- Trên cơ sở nhiệm vụ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu dân cư phường Cầu Kho, Quận 1 này được phê duyệt, Ủy ban nhân dân Quận 1 (Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng công trình Quận 1) cần tổ chức lập, trình thẩm định và phê duyệt đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 trong thời hạn theo quy định để làm cơ sở quản lý xây dựng đô thị, phát triển đô thị theo quy hoạch.

**Điều 3.** Quyết định này có đính kèm các bản vẽ, thuyết minh nhiệm vụ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu dân cư Phường Cầu Kho, Quận 1 được nêu tại khoản 4, Điều 1 Quyết định này.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Viện trưởng Viện nghiên cứu phát triển Thành phố, Thủ trưởng các Sở - Ban - Ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 1, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Cầu Kho, quận 1 các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Hữu Tín**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4684/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 9 năm 2015*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc lĩnh vực quản lý  
của Thanh tra Thành phố Hồ Chí Minh**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch đơn giản hóa thủ tục hành chính trọng tâm năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 1050/QĐ-UBND ngày 31 tháng 01 năm 2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Kế hoạch đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý, thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh năm 2015;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại công văn số 4644/STP-KSTT ngày 04 tháng 9 năm 2015,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc lĩnh vực quản lý của Thanh tra Thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Giao Thanh tra Thành phố dự thảo quyết định công bố thủ tục hành chính theo danh mục được phê duyệt tại Quyết định này, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Chánh Thanh tra Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn và các cơ quan đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hứa Ngọc Thuận**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC LĨNH VỰC QUẢN LÝ CỦA THANH TRA THÀNH PHỐ**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4684/QĐ-UBND ngày 18 tháng 9 năm 2015  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)*

**A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CHỦ TỊCH UBND THÀNH PHỐ**

STT	TÊN TTHC	CĂN CỨ PHÁP LÝ	CƠ QUAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
<b>LĨNH VỰC GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO</b>				
1	Thủ tục tiếp công dân và xử lý đơn	<ul style="list-style-type: none"><li>- Điểm c khoản 1 Điều 4; khoản 5 Điều 8; Điều 25, 26 Chương 6 Luật TCD 2014</li><li>- Điều 7 Nghị định 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiếp công dân</li><li>- Thông tư 06/2014/TT-TTCP ngày 31 tháng 10 năm 2014 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình tiếp công dân</li><li>- Thông tư 07/2014/TT-TTCP ngày 31 tháng 10 năm 2014 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh</li></ul>	<p>Cơ quan trực tiếp thực hiện: Văn phòng Tiếp công dân Thành phố (điểm c khoản 1 Điều 4; khoản 1,2 Điều 12 Luật TCD 2014)</p> <p>Cơ quan tham mưu xử lý: Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố</p>	

STT	TÊN TTHC	CĂN CỨ PHÁP LÝ	CƠ QUAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
2	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khoản 1 Điều 21 Luật KN 2011</li> <li>- Thông tư 07/2013/TT-TTCP ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính</li> <li>- Quyết định 07/2014/QĐ-UBND ngày 11 tháng 02 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành quy trình giải quyết khiếu nại trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh</li> </ul>	<p>Cơ quan trực tiếp thực hiện: Văn phòng Tiếp công dân Thành phố</p> <p>Cơ quan tham mưu xử lý: Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, hoặc cơ quan thanh tra nhà nước, hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm theo phân công (Điều 11 Quyết định 07/2014/QĐ-UBND)</p> <p>Thẩm quyền quyết định và trả kết quả: Chủ tịch UBND Thành phố</p>	
3	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần hai	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khoản 2 Điều 21 Luật KN 2011</li> <li>- Thông tư 07/2013/TT-TTCP ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính</li> <li>- Quyết định 07/2014/QĐ-UBND ngày 11 tháng 02 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành quy trình giải quyết khiếu nại trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh</li> </ul>	<p>Cơ quan trực tiếp thực hiện: Văn phòng Tiếp công dân Thành phố</p> <p>Cơ quan tham mưu xử lý: Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, hoặc cơ quan thanh tra nhà nước, hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm theo phân công (Điều 11 Quyết định 07/2014/QĐ-UBND).</p>	



STT	TÊN TTHC	CĂN CỨ PHÁP LÝ	CƠ QUAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
			Thẩm quyền quyết định và trả kết quả: Chủ tịch UBND Thành phố	
4	Thủ tục giải quyết tố cáo	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều 12, Khoản 4 Điều 13 Luật Tố cáo năm 2011</li> <li>- Thông tư 06/2013/TT-TTCP ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết tố cáo</li> <li>- Quyết định số 12/2014/QĐ-UBND ngày 13 tháng 03 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành quy trình giải quyết tố cáo trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh</li> </ul>	<p>Cơ quan trực tiếp thực hiện: Văn phòng Tiếp công dân Thành phố</p> <p>Cơ quan tham mưu xử lý: Văn phòng Tiếp công dân Thành phố, Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, hoặc cơ quan thanh tra nhà nước, hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm khi được giao (Điều 7-9 Quyết định số 12/2014/QĐ-UBND).</p> <p>Thẩm quyền quyết định và trả kết quả: Chủ tịch UBND Thành phố</p>	

**B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA THỦ TRƯỞNG CÁC SỞ, BAN, NGÀNH**

STT	TÊN TTHC	CĂN CỨ PHÁP LÝ	CƠ QUAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
<b>LĨNH VỰC GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO</b>				

STT	TÊN TTHC	CĂN CỨ PHÁP LÝ	CƠ QUAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
1	Thủ tục tiếp công dân và xử lý đơn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Điểm d khoản 1 Điều 4; khoản 5 Điều 8; Điều 16, 25, 26 Chương 6 Luật TCD 2014</li> <li>- Nghị định 64/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiếp công dân</li> <li>- Thông tư 06/2014/TT-TTCP ngày 31 tháng 10 năm 2014 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình tiếp công dân</li> <li>- Thông tư 07/2014/TT-TTCP ngày 31 tháng 10 năm 2014 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh</li> </ul>	Bộ phận tiếp công dân của sở, ban, ngành Thành phố	
2	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều 20 Luật Khiếu nại năm 2011</li> <li>- Thông tư 07/2013/TT-TTCP ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính</li> <li>- Quyết định 07/2014/QĐ-UBND ngày 11 tháng 02 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành quy trình giải quyết khiếu nại trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh</li> </ul>	Thủ trưởng Sở, ban, ngành Thành phố	
3	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần hai	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều 20 Luật KN 2011</li> <li>- Thông tư 07/2013/TT-TTCP ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính</li> <li>- Quyết định 07/2014/QĐ-UBND ngày 11 tháng 02 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành quy trình giải quyết khiếu nại trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh</li> </ul>	Thủ trưởng Sở, ban, ngành Thành phố	

STT	TÊN TTHC	CĂN CỨ PHÁP LÝ	CƠ QUAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
4	Thủ tục giải quyết tố cáo	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khoản 3 Điều 13 Luật TC 2011</li> <li>- Thông tư 06/2013/TT-TTCP ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết tố cáo.</li> <li>- Quyết định số 12/2014/QĐ-UBND ngày 13 tháng 03 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành quy trình giải quyết tố cáo trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh</li> </ul>	Thủ trưởng Sở, ban, ngành Thành phố	

### C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CHỦ TỊCH UBND QUẬN - HUYỆN

STT	TÊN TTHC	CĂN CỨ PHÁP LÝ	CƠ QUAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
<b>LĨNH VỰC GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO</b>				
1	Thủ tục tiếp công dân và xử lý đơn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Điểm c khoản 1 Điều 4; khoản 5 Điều 8; Điều 13; 25; 26 Chương 6 Luật TCD 2014</li> <li>- Điều 8 Nghị định 64/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiếp công dân.</li> <li>- Thông tư 06/2014/TT-TTCP ngày 31 tháng 10 năm 2014 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình tiếp công dân</li> <li>- Thông tư 07/2014/TT-TTCP ngày 31 tháng 10 năm 2014 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh</li> </ul>	Ban Tiếp công dân quận, huyện	

STT	TÊN TTHC	CĂN CỨ PHÁP LÝ	CƠ QUAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
2	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khoản 1 Điều 18 Luật KN 2011</li> <li>- Thông tư 07/2013/TT-TTCP ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính</li> <li>- Quyết định 07/2014/QĐ-UBND ngày 11 tháng 02 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành quy trình giải quyết khiếu nại trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh</li> </ul>	Chủ tịch UBND quận, huyện	
3	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần hai	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khoản 2 Điều 18 Luật Khiếu nại năm 2011</li> <li>- Thông tư 07/2013/TT-TTCP ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính</li> <li>- Quyết định 07/2014/QĐ-UBND ngày 11 tháng 02 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành quy trình giải quyết khiếu nại trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.</li> </ul>	Chủ tịch UBND quận, huyện	
4	Thủ tục giải quyết tố cáo	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khoản 2 Điều 13 Luật TC 2011</li> <li>- Thông tư 06/2013/TT-TTCP ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết tố cáo</li> <li>- Quyết định số 12/2014/QĐ-UBND ngày 13 tháng 03 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành quy trình giải quyết tố cáo trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh</li> </ul>	Chủ tịch UBND cấp huyện	

**D. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG - XÃ, THỊ TRẤN**

STT	TÊN TTHC	CĂN CỨ PHÁP LÝ	CƠ QUAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
<b>LĨNH VỰC GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỔ CÁO</b>				
1	Thủ tục tiếp công dân và xử lý đơn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Điểm c khoản 1 Điều 4; khoản 5 Điều 8; Điều 15 Luật TCD 2014</li> <li>- Nghị định 64/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiếp công dân</li> <li>- Thông tư 06/2014/TT-TTCP ngày 31 tháng 10 năm 2014 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình tiếp công dân</li> <li>- Thông tư 07/2014/TT-TTCP ngày 31 tháng 10 năm 2014 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh</li> </ul>	Chủ tịch UBND phường, xã, thị trấn	
2	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều 17 Luật KN 2011</li> <li>- Thông tư 07/2013/TT-TTCP ngày 31 tháng 10 năm 2013 quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính</li> <li>- Quyết định 07/2014/QĐ-UBND ngày 11 tháng 02 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành quy trình giải quyết khiếu nại trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh</li> </ul>	Chủ tịch UBND phường, xã, thị trấn	
3	Thủ tục giải quyết tố cáo	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khoản 1 Điều 13 Luật TC 2011</li> <li>- Thông tư 06/2013/TT-TTCP ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình</li> </ul>	Chủ tịch UBND phường, xã, thị trấn	

STT	TÊN TTHC	CĂN CỨ PHÁP LÝ	CƠ QUAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
		giải quyết tố cáo - Quyết định số 12/2014/QĐ-UBND ngày 13 tháng 03 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành quy trình giải quyết tố cáo trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh		

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4685/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 9 năm 2015*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc lĩnh vực quản lý  
của Sở Quy hoạch - Kiến trúc thành phố Hồ Chí Minh**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch đơn giản hóa thủ tục hành chính trọng tâm năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 1050/QĐ-UBND ngày 31 tháng 01 năm 2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Kế hoạch đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý, thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh năm 2015;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại công văn số 4877/STP-KSTT ngày 14 tháng 9 năm 2015,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc lĩnh vực quản lý của Sở Quy hoạch - Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Giao Sở Quy hoạch - Kiến trúc chủ trì, phối hợp các Ban quản lý khu chức năng đô thị và Ủy ban nhân dân quận - huyện dự thảo quyết định công bố thủ tục hành chính theo danh mục được phê duyệt tại Quyết định này, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Trưởng các Ban quản lý chức năng đô thị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện và các cơ quan đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hứa Ngọc Thuận**



**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC LĨNH VỰC QUẢN LÝ CỦA SỞ QUY HOẠCH -  
KIẾN TRÚC**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4685/QĐ-UBND ngày 18 tháng 9 năm 2015  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)*

**A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ QUY HOẠCH - KIẾN TRÚC**

<b>STT</b>	<b>TÊN TTHC</b>	<b>CĂN CỨ PHÁP LÝ</b>	<b>CƠ QUAN THỰC HIỆN</b>	<b>GHI CHÚ</b>
<b>LĨNH VỰC QUY HOẠCH ĐÔ THỊ</b>				
1	Thủ tục cấp Giấy phép Quy hoạch	- Luật Quy hoạch đô thị - Khoản 1 Điều 7 Quyết định 48/2011/QĐ-UBND ngày 12/7/2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố	Sở Quy hoạch - Kiến trúc	
2	Thủ tục cấp Chứng chỉ Quy hoạch	- Luật Quy hoạch đô thị - Khoản 1 Điều 7 Quyết định 49/2011/QĐ-UBND ngày 12/7/2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố	Sở Quy hoạch - Kiến trúc	

**B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CÁC BAN QUẢN LÝ KHU CHỨC NĂNG ĐÔ THỊ**

STT	TÊN TTHC	CĂN CỨ PHÁP LÝ	CƠ QUAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
<b>LĨNH VỰC QUY HOẠCH ĐÔ THỊ</b>				
1	Thủ tục cấp Giấy phép Quy hoạch	- Luật Quy hoạch đô thị - Khoản 2 Điều 7 Quyết định 48/2011/QĐ-UBND ngày 12/7/2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố	- BQL Khu Nam; - BQL Khu đô thị mới Thủ Thiêm; - BQL các Khu chế xuất và công nghiệp; - BQL Khu công nghệ cao; - BQL Khu đô thị Tây Bắc.	
2	Thủ tục cấp Chứng chỉ Quy hoạch	- Luật Quy hoạch đô thị - Khoản 2 Điều 7 Quyết định 49/2011/QĐ-UBND ngày 12/7/2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố	- BQL Khu Nam; - BQL Khu đô thị mới Thủ Thiêm; - BQL các Khu chế xuất và công nghiệp; - BQL Khu công nghệ cao; - BQL Khu đô thị Tây Bắc.	

### C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN - HUYỆN

STT	TÊN TTHC	CĂN CỨ PHÁP LÝ	CƠ QUAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
<b>LĨNH VỰC QUY HOẠCH ĐÔ THỊ</b>				
1	Thủ tục cấp Giấy phép Quy hoạch	- Luật Quy hoạch đô thị	Ủy ban nhân dân quận -	

STT	TÊN TTHC	CĂN CỨ PHÁP LÝ	CƠ QUAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
		- Khoản 3 Điều 7 Quyết định 48/2011/QĐ-UBND ngày 12/7/2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố	huyện	
2	Thủ tục cấp Chứng chỉ Quy hoạch	- Luật Quy hoạch đô thị - Khoản 3 Điều 7 Quyết định 49/2011/QĐ-UBND ngày 12/7/2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố	Ủy ban nhân dân quận - huyện	

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4687/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 9 năm 2015*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**VỀ Đào tạo công nghệ thông tin trong chương trình đào tạo  
Trung cấp lý luận Chính trị - Hành chính của Học viện Cán bộ  
Thành phố Hồ Chí Minh**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Thực hiện Chỉ thị số 28-CT/TU ngày 27 tháng 01 năm 2015 của Thành ủy về xây dựng nội dung đào tạo về công nghệ thông tin trong chương trình đào tạo Trung cấp lý luận Chính trị - Hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Công văn số 1367/STTTT-CNTT ngày 09 tháng 9 năm 2015,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch tổ chức triển khai xây dựng nội dung đào tạo về công nghệ thông tin trong chương trình đào tạo Trung cấp lý luận Chính trị Hành chính tại Học viện cán bộ Thành phố.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Học viện Cán bộ Thành phố, Thủ trưởng các sở, ngành có liên

---

quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hứa Ngọc Thuận**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **KẾ HOẠCH**

### **Đào tạo công nghệ thông tin trong chương trình đào tạo Trung cấp lý luận Chính trị - Hành chính của Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4687/QĐ-UBND  
ngày 18 tháng 9 năm 2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

Triển khai thực hiện Chỉ thị số 28-CT/TU ngày 27 tháng 01 năm 2015 của Thành ủy về nội dung xây dựng chương trình đào tạo về công nghệ thông tin trong chương trình đào tạo Trung cấp lý luận Chính trị - Hành chính của Học viện.

Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành kế hoạch tổ chức thực hiện như sau:

#### **I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU:**

- Nâng cao nhận thức của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức về vai trò quan trọng của công nghệ thông tin.

- Giúp đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nắm được kiến thức cơ bản về chính phủ điện tử và xây dựng chính phủ điện tử.

- Phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin của cơ quan nhà nước và tạo điều kiện cho cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo về kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong xử lý công việc.

- Ứng dụng công nghệ thông tin sẽ là một trong các giải pháp nhằm đạt mục tiêu của cải cách hành chính, nhằm đến tính hiệu quả, chất lượng trong cách thức hoạt động, điều hành của bộ máy quản lý hành chính nhà nước.

#### **II. ĐỐI TƯỢNG ĐÀO TẠO:**

Cán bộ, công chức, viên chức thuộc các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp.

#### **III. NỘI DUNG ĐÀO TẠO:**

##### **1. Nội dung đào tạo:**

**a) Phần 1: Công tác triển khai ứng dụng công nghệ thông tin tại Thành phố Hồ Chí Minh (8 tiết)**

- Chuyên đề: Định hướng Chiến lược phát triển công nghệ thông tin Việt Nam và các Chương trình, Kế hoạch về ứng dụng công nghệ thông tin tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Nội dung bao gồm:

- + Hiện trạng tình hình ứng dụng công nghệ thông tin của Việt Nam;
- + Định hướng phát triển công nghệ thông tin giai đoạn 2011 - 2020;
- + Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2011 - 2015;
- + Các Chương trình, Kế hoạch về triển khai ứng dụng công nghệ thông tin tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Mục đích: Giúp cán bộ, công chức, viên chức nắm được định hướng Chiến lược phát triển công nghệ thông tin Việt Nam cũng như tại Thành phố Hồ Chí Minh để nâng cao nhận thức và có thể phục vụ công tác xây dựng kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin cho đơn vị.

- Chuyên đề: Quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin

Nội dung bao gồm: Tổng quan về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin.

Mục đích: Giúp cán bộ, công chức, viên chức có kiến thức cơ bản về công tác quản lý dự án ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước.

- Chuyên đề: Lập kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin

Nội dung bao gồm: Các bước xây dựng và triển khai kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước.

Mục đích: giúp cán bộ, công chức, viên chức nắm bắt được kinh nghiệm xây dựng kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, định hướng và các bước xây dựng và triển khai kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước để có thể áp dụng xây dựng kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin cho đơn vị.

- Chuyên đề: Chính phủ điện tử tại Thành phố Hồ Chí Minh và các hệ thống thành phố đã triển khai.

Nội dung bao gồm:

- + Giới thiệu về Chính quyền điện tử tại Thành phố Hồ Chí Minh;

+ Giới thiệu khái niệm chính phủ điện tử, lợi ích của chính phủ điện tử và khung kiến trúc chính quyền điện tử các cấp;

+ Tổng quát về các hệ thống dùng chung trong kiến trúc chính phủ điện tử Thành phố Hồ Chí Minh;

+ Giới thiệu về Văn phòng điện tử.

Mục đích: Giúp cán bộ, công chức, viên chức nắm được các kiến thức cơ bản về chính phủ điện tử, nhận thức được vai trò, lợi ích của việc ứng dụng công nghệ thông tin trong việc xây dựng chính phủ điện tử tại Thành phố Hồ Chí Minh cũng như Việt Nam; Giới thiệu Mô hình và các thành phần của Chính phủ điện tử Thành phố Hồ Chí Minh và các thành phần liên quan, các hệ thống công vụ dùng chung.

- Chuyên đề Thực hành:

Nội dung bao gồm: hướng dẫn sử dụng một số ứng dụng dùng chung thông dụng:

+ Hướng dẫn sử dụng email công vụ (<https://mail.tphcm.gov.vn>).

+ Hướng dẫn sử dụng lịch công tác, thư mời họp, quản lý văn bản - chỉ đạo điều hành, hội nghị truyền hình trực tuyến.

+ Giải đáp thắc mắc.

## **Phần 2: An toàn và bảo mật thông tin (4 tiết)**

- Chuyên đề: Các quy định về đảm bảo an toàn, an ninh thông tin.

Nội dung bao gồm: Phổ biến các quy định, hướng dẫn về an toàn, an ninh thông tin đã được ban hành của Trung ương, địa phương và Sở Thông tin và Truyền thông:

+ Phổ biến các quy định.

+ Ví dụ cụ thể.

- Chuyên đề: Các quy định về bảo vệ bí mật nhà nước.

Nội dung bao gồm: Phổ biến, chọn lọc các quy định, hướng dẫn về bảo vệ bí mật nhà nước trong việc sử dụng các thiết bị điện tử (máy tính, USB,...)

- Chuyên đề: Các nội dung cơ bản về đảm bảo an toàn thông tin cho người dùng cuối khi sử dụng thiết bị điện tử: máy tính, điện thoại, kết nối mạng.

Nội dung bao gồm: Đưa ra các nội dung cơ bản, thường xuyên thực hiện mà Cán bộ, công chức, viên chức phải nắm vững trong việc sử dụng các thiết bị điện tử, thiết bị mạng, kết nối mạng.



Mục đích: Giúp cán bộ, công chức, viên chức nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng của việc bảo mật, đảm bảo an toàn thông tin và nắm được kiến thức cơ bản về việc quản lý an toàn bảo mật thông tin trong công việc cá nhân và tại đơn vị. Các vấn đề cơ bản trong công tác lập chính sách đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trong sử dụng các ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước: bảo vệ thông tin, tài sản và con người trong hệ thống thông tin nhằm bảo đảm cho các hệ thống thực hiện đúng chức năng, phục vụ đúng đối tượng một cách sẵn sàng, chính xác và tin cậy. An toàn thông tin bao hàm các nội dung bảo vệ và bảo mật thông tin, an toàn dữ liệu, an toàn máy tính và an toàn mạng.

**2. Thời gian đào tạo:** 1 ngày lý thuyết, 1 buổi thực hành (1,5 ngày)

#### **IV. PHÂN CÔNG, TỔ CHỨC THỰC HIỆN:**

1. Chủ trì: Học viện Cán bộ Thành phố.
2. Đơn vị phối hợp: Sở Nội vụ, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài chính.
3. Giảng dạy và hướng dẫn thực hành: Học viện Cán bộ Thành phố phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông.
4. Thời gian tổ chức: từ tháng 10 năm 2015.
5. Địa điểm: Học viện Cán bộ Thành phố.
6. Kinh phí thực hiện:
  - Về kinh phí cho nhân sự giảng dạy: Học viện Cán bộ Thành phố đưa vào kinh phí chung của chương trình đào tạo Trung cấp lý luận Chính trị - Hành chính của Học viện;
  - Về kinh phí thuê máy chủ để triển khai các ứng dụng phục vụ giảng dạy thực hành: Chấp thuận cho Sở Thông tin và Truyền thông ghi vốn kinh phí thuê máy chủ để triển khai các ứng dụng phục vụ giảng dạy thực hành hàng năm trong nguồn kinh phí sự nghiệp thông tin truyền thông được giao cho Sở Thông tin và Truyền thông quản lý;
  - Về kinh phí sử dụng phòng máy thực hành tại Học viện Cán bộ Thành phố: Giao Sở Tài chính bố trí kinh phí và hướng dẫn Học viện Cán bộ Thành phố thực hiện quyết toán đúng quy định.
7. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị:

- Giao Sở Nội vụ theo dõi, đôn đốc việc tổ chức bồi dưỡng công nghệ thông tin trong chương trình đào tạo Trung cấp lý luận Chính trị - Hành chính.

- Giao Học viện Cán bộ Thành phố chủ trì phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông hoàn chỉnh chương trình và tổ chức đào tạo nội dung về công nghệ thông tin trong chương trình đào tạo Trung cấp lý luận Chính trị - Hành chính, chuẩn bị địa điểm và phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông chuẩn bị cơ sở hạ tầng để phục vụ công tác giảng dạy;

- Giao Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với Học viện Cán bộ Thành phố xây dựng nội dung đào tạo và cập nhật bổ sung thay đổi (nếu có), xây dựng hệ thống phần mềm ứng dụng phục vụ giảng dạy thực hành và các cơ sở hạ tầng khác phục vụ cho việc giảng dạy, bảo trì và nâng cấp chương trình./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hứa Ngọc Thuận**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4692/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 9 năm 2015*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Đề án phân cấp quản lý nhà nước về Du lịch  
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 2676/TTr-SNV ngày 21 tháng 7 năm 2015;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Đề án phân cấp quản lý nhà nước về du lịch trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh với các nội dung theo Đề án đính kèm Quyết định này.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Du lịch, Thủ trưởng các sở, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Lê Hoàng Quân**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **ĐỀ ÁN**

**Phân cấp quản lý nhà nước về Du lịch trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**  
*(Kèm theo Quyết định số 4692/QĐ-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2015  
của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)*

### **I. THỰC TRẠNG NGÀNH DU LỊCH THÀNH PHỐ VÀ SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN:**

#### **1. Thực trạng phát triển và công tác quản lý ngành du lịch Thành phố:**

Thành phố Hồ Chí Minh là trung tâm kinh tế, văn hóa, chính trị lớn của cả nước, phía Bắc giáp Tây Ninh, Bình Dương, phía đông giáp Đồng Nai, phía Nam giáp biển Đông và Tiền Giang, phía Tây giáp Long An, có hệ thống sông ngòi, kênh rạch, rừng ngập mặn, bờ biển với hệ sinh thái đa dạng sinh học cao; hệ thống cơ sở hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông đa dạng từ đường hàng không, đường sắt, đường thủy, đường bộ... đáp ứng tốt nhu cầu đi lại của người dân và du khách; có các điểm di tích văn hóa, văn hóa - lịch sử như Bến Nhà Rồng, đền Quốc Tổ, dinh Xã Tây, Nhà hát lớn, Bưu điện, chùa cổ Giác Lâm, chùa Bà Thiên Hậu, Tổ Đình Giác Viên, nhà thờ Đức Bà, nhà thờ Huyện Sỹ, nhà thờ Thông Tây Hội, các công viên, khu sinh thái như Thảo Cầm Viên, Suối Tiên, Công viên Văn hóa Đầm Sen, Khu Du lịch Bình Quới - Thanh Đa, Khu Du lịch Văn Thánh và nhiều sự kiện đặc sắc như: Lễ hội đường hoa Nguyễn Huệ, Ngày hội du lịch Thành phố, Lễ hội trái cây Nam bộ, Hội chợ du lịch quốc tế ITE... đã tạo nên sức hấp dẫn, thu hút đối với du khách khi đến Thành phố Hồ Chí Minh.

Thời gian qua, ngành du lịch Thành phố có sự tăng trưởng đáng kể cả về chất lượng sản phẩm du lịch, doanh thu, lượng khách du lịch và số lượng doanh nghiệp hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực du lịch. Năm 2014, doanh thu ngành du lịch Thành phố đạt 86.109 tỷ đồng, tăng 4% so với cùng kỳ 2013, chiếm 37% doanh thu ngành du lịch cả nước, 9,8% GDP của Thành phố, tăng 7,98 lần so doanh thu năm 2004 (10.812 tỷ); lượng khách quốc tế đến thành phố đạt 4.400.000 lượt, chiếm 56 % lượng khách quốc tế đến Việt Nam, tăng 2,8 lần so năm 2004 (1.580.000 lượt). Hiện

toàn Thành phố có 949 doanh nghiệp lữ hành (556 doanh nghiệp lữ hành quốc tế, 393 doanh nghiệp lữ hành nội địa và 31 đại lý, 7 văn phòng đại diện du lịch nước ngoài tại Việt Nam), tăng 3,25 lần so năm 2004 (292 doanh nghiệp); có 2.031 cơ sở lưu trú phục vụ du khách (gồm: 01 khu căn hộ du lịch cao cấp (240 căn), 1.697 khách sạn từ 1 đến 5 sao, 333 cơ sở lưu trú đạt tiêu chuẩn kinh doanh du lịch), tăng 3,17 lần so năm 2005 (640 cơ sở lưu trú).

Công tác quản lý nhà nước ngành du lịch Thành phố đã có nhiều chuyển biến tích cực, bộ máy tổ chức quản lý ngành từng bước được củng cố, kiện toàn. Hiện nay, Sở Du lịch được tái thành lập trên cơ sở tách chức năng quản lý nhà nước ngành du lịch từ Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo Quyết định 32/2014/QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố với bộ máy tổ chức gồm: Văn phòng Sở, Phòng Khách sạn, Phòng Lữ hành, Phòng Nghiên cứu phát triển, Phòng Thông tin du lịch, Thanh tra Sở và Trung tâm xúc tiến Du lịch thực hiện các chức năng quản lý nhà nước ngành du lịch Thành phố chủ yếu gồm: Xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành căn cứ theo chiến lược phát triển kinh tế - xã hội chung của Thành phố, của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Nghiên cứu, trình Ủy ban nhân dân Thành phố chương trình, biện pháp cải cách hành chính nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước về du lịch; Tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật theo chuyên ngành du lịch; Cấp, cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch, thuyết minh viên du lịch và giấy chứng nhận xe ô tô đủ điều kiện phục vụ khách du lịch; Thẩm định, tái thẩm định cấp biển hiệu dịch vụ du lịch đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch; Thẩm định cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, gia hạn hoặc thu hồi giấy phép hoạt động của văn phòng đại diện doanh nghiệp lữ hành nước ngoài tại Thành phố; Thẩm định, tái thẩm định xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch hạng 1 sao, 2 sao; Cấp chứng nhận bồi dưỡng ngắn hạn nghề du lịch; Cấp, thu hồi các loại thẻ, giấy phép, văn bằng, chứng chỉ khác thuộc thẩm quyền của Sở Du lịch Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định của pháp luật và các chức năng, nhiệm vụ khác được quy định trong Luật Du lịch; Hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm của các tổ chức kinh tế, các cá nhân trong nước và nước ngoài hoạt động và kinh doanh trong lĩnh vực du lịch; Giải quyết các sự việc tranh chấp, khiếu nại, tố cáo của công dân và các tổ chức có liên quan đến lĩnh vực du lịch; Thực hiện hợp tác quốc tế trong lĩnh vực du lịch theo quy định pháp luật và theo phân công của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Đối với các địa phương, đến nay chưa có văn bản chính thức về việc phân cấp cụ thể các nội dung quản lý ngành du lịch cho Ủy ban nhân dân các quận, huyện nên

công tác quản lý ngành du lịch tại các quận, huyện chủ yếu là công tác phối hợp hậu kiểm doanh nghiệp; việc triển khai thực hiện quy hoạch phát triển ngành và xúc tiến thu hút đầu tư phát triển du lịch địa phương chưa được quan tâm; việc kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch còn chưa rộng khắp, có nơi có lúc còn bỏ ngõ; tình hình an ninh trật tự tại các khu, điểm du lịch còn phức tạp... Việc giao cơ quan chuyên môn tham mưu cho Ủy ban nhân dân các quận, huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về du lịch trong những năm gần đây thay đổi thường xuyên. Trước năm 2008, khi chưa sáp nhập Sở Du lịch, theo quy định tại Khoản 8, Điều 7 Nghị định số 172/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2004 của Chính phủ giao cho Phòng Kinh tế tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước du lịch. Sau khi Nghị định số 14/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ được ban hành thay thế Nghị định số 172/2004/NĐ-CP và sáp nhập Sở Du lịch thành Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thì chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về du lịch được giao cho Phòng Văn hóa và Thông tin (Khoản 6, Điều 7 Nghị định số 14/2008/NĐ-CP). Và gần đây, Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (thay thế Nghị định số 14/2008/NĐ-CP) vẫn giao Phòng Văn hóa và Thông tin chức năng tham mưu cho Ủy ban nhân dân quận, huyện thực hiện quản lý nhà nước ngành du lịch. Thực tế hiện nay cho thấy, bên cạnh các quận, huyện giao cho Phòng Văn hóa và Thông tin thực hiện chức năng tham mưu về công tác quản lý ngành du lịch ở địa phương theo quy định, vẫn có một số địa phương giao cho Phòng Kinh tế.

## **2. Những hạn chế, bất cập trong quản lý và phát triển ngành du lịch:**

Sự phát triển ngành du lịch Thành phố chưa tương xứng với tiềm năng; việc thu hút các nguồn lực đầu tư vào phát triển du lịch còn hạn chế; tình hình an ninh trật tự liên quan đến khách du lịch còn phức tạp, nạn chèo kéo du khách, cướp giật... còn xảy ra, kết quả điều tra xử lý ban đầu còn hạn chế.

Công tác quản lý nhà nước, hậu kiểm đối với các doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực du lịch có lúc, có nơi còn thiếu chặt chẽ, chưa thường xuyên. Vẫn còn tình trạng doanh nghiệp hoạt động sai giấy phép, không giấy phép chưa được phát hiện và xử lý kịp thời.

Công tác lập quy hoạch, triển khai thực hiện quy hoạch phát triển ngành chưa được triển khai nên chưa khai thác hết tiềm năng du lịch. Công tác phối hợp quản lý

ngành du lịch tại các quận huyện gặp nhiều khó khăn do chưa có cơ chế phối hợp hiệu quả, chưa có sự phân công trách nhiệm, phân cấp rõ ràng, cụ thể.

Việc giao chức năng tham mưu quản lý nhà nước ngành du lịch cho Phòng Văn hóa và Thông tin các quận, huyện bộc lộ nhiều bất cập; công tác tham mưu cho quận, huyện xây dựng, triển khai các chương trình, kế hoạch phát triển ngành du lịch địa phương còn nhiều hạn chế.

### **3. Nguyên nhân của bất cập, hạn chế:**

Luật Du lịch còn một số bất cập như: tiêu chuẩn Khu du lịch, điểm du lịch chưa có hướng dẫn cụ thể; nội dung quản lý và bảo vệ tài nguyên du lịch, xây dựng quy hoạch du lịch, khu, tuyến, điểm du lịch còn chung chung, khó thực hiện; các quy định quản lý kinh doanh lữ hành nội địa còn chưa chặt chẽ, khó quản lý.

Chủ trương phân cấp quản lý ngành đã có nhưng chưa có các quy định về phân cấp quản lý cụ thể cho các quận, huyện. Phòng Văn hóa và Thông tin ở quận, huyện không có chức năng quản lý ngành kinh tế nên việc tham mưu công tác quản lý hoạt động các doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực du lịch gặp nhiều khó khăn.

Chế tài xử phạt đối với các hành vi chèo kéo khách du lịch chưa đủ sức răn đe; kết quả điều tra, khám phá các loại tội phạm còn thấp; xử lý vụ việc tại chỗ của các lực lượng chức năng địa phương chưa chuyên nghiệp, có nơi có lúc còn thiếu nhiệt tình, thờ ơ, gây bức xúc cho du khách.

### **4. Sự cần thiết của việc phân cấp:**

“Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030” đã xác định đến năm 2020 đưa du lịch cơ bản trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, có tính chuyên nghiệp, có hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật tương đối đồng bộ, hiện đại; sản phẩm du lịch có chất lượng cao, đa dạng, có thương hiệu, mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc, cạnh tranh được với các nước trong khu vực và thế giới; phấn đấu đến năm 2030, Việt Nam trở thành quốc gia có ngành du lịch phát triển. Chính phủ cũng đã xác định mục tiêu tốc độ tăng trưởng của ngành du lịch bình quân thời kỳ 2011 - 2020 đạt 11,5 - 12%/năm, đến năm 2020 Việt Nam đón 10 - 10,5 triệu lượt khách du lịch quốc tế và 47 - 48 triệu lượt khách du lịch nội địa; tổng thu từ khách du lịch đạt 18 - 19 tỷ USD, đóng góp 6,5 - 7% GDP cả nước; có tổng số 580.000 buồng lưu trú với 35 - 40% đạt chuẩn từ 3 đến 5; tạo ra 3 triệu việc làm trong đó có 870.000 lao động trực tiếp du lịch. “Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội Thành phố Hồ

Chí Minh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030” cũng đã định hướng Thành phố là trung tâm tiếp nhận khách du lịch quốc tế và tổ chức các chương trình du lịch đến các địa phương; liên kết với các tỉnh xây dựng và phát triển các khu du lịch đạt tiêu chuẩn quốc tế.

Trong thời gian tới, Thành phố tiếp tục đầu tư phát triển, nhất là đầu tư phát triển hạ tầng giao thông: hệ thống đường bộ, đường thủy đã được cải tạo, chỉnh trang, mở rộng, các tuyến giao thông công cộng hiện đại như metro, tàu điện đã và đang được đầu tư, sẽ được đưa vào sử dụng trong tương lai gần; nhiều chính sách khuyến khích đầu tư, thúc đẩy phát triển ngành du lịch được triển khai... là những điều kiện thuận lợi để thúc đẩy ngành du lịch Thành phố phát triển nhanh, đóng góp lớn hơn vào kinh tế Thành phố cũng như cả nước. Với tốc độ tăng trưởng ngành trong 10 năm qua cùng với những lợi thế vốn có của Thành phố, dự báo ngành du lịch Thành phố sẽ tiếp tục có bước phát triển mạnh về quy mô, số lượng doanh nghiệp kinh doanh lữ hành và cơ sở lưu trú du lịch, khách du lịch nội địa và quốc tế đến Thành phố sẽ tăng nhiều lần so với trước.

Xuất phát từ thực trạng phát triển và những hạn chế, bất cập trong công tác quản lý nhà nước ngành du lịch Thành phố hiện nay cho thấy, yêu cầu đặt ra là phải phát huy được tinh thần trách nhiệm của các địa phương, khắc phục những hạn chế, bất cập và nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước ngành du lịch trên địa bàn toàn Thành phố, phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế về du lịch của từng địa phương để đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của Thành phố trong thời gian tới. Vì vậy, việc phân cấp quản lý nhà nước về Du lịch trên địa bàn Thành phố là hết sức cần thiết.

## **II. CƠ SỞ PHÁP LÝ CỦA VIỆC PHÂN CẤP:**

Việc phân cấp quản lý về Du lịch dựa trên các cơ sở pháp lý sau:

### **1. Các chủ trương, quan điểm của Đảng và nhà nước:**

Nghị quyết số 16-NQ/TW ngày 10 tháng 8 năm 2012 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 quy định: *“Tiếp tục cho phép Thành phố được thực hiện thí điểm đối với những vấn đề mới phát sinh mà thực tiễn Thành phố đặt ra trong quá trình phát triển nhưng chưa có quy định hay những quy định hiện hành của nhà nước không còn phù hợp. Khi thí điểm, Thành phố phải có đề án xin Chính phủ cho thí điểm về từng vấn đề cụ thể và chịu sự theo dõi, giám sát của Chính phủ, đặc biệt với những vấn đề lớn, nhạy cảm”*;



Quyết định số 2473/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030” nêu: *“cần tăng cường phân cấp trong quản lý, đảm bảo vai trò quản lý vĩ mô của Nhà nước, đồng thời tạo sự chủ động, năng động của doanh nghiệp và sự tham gia tích cực của cộng đồng dân cư”*;

Nghị quyết số 92/2014/NQ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ về một số giải pháp đẩy mạnh phát triển du lịch Việt Nam trong thời kỳ mới nêu: *“Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về du lịch từ Trung ương đến địa phương; sớm sửa đổi, bổ sung Luật Du lịch; kiện toàn, nâng cao năng lực quản lý nhà nước về du lịch ở địa phương”*.

## **2. Các văn bản pháp lý:**

Luật Du lịch số 44/2005/QH11 được Quốc hội Khóa 11 thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005, có hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2006;

Nghị định số 92/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Du lịch;

Nghị định số 180/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Du lịch;

Thông tư số 88/2008/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn thực hiện Nghị định số 92/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Du lịch;

Thông tư số 19/2014/TT-BVHTTDL ngày 08 tháng 12 năm 2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 88/2008/TT-BVHTTDL, Thông tư số 17/2010/TT-BVHTTDL, Thông tư số 03/2013/TT-BVHTTDL;

Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố thuộc Trung ương;

Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy

định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

### **III. MỤC TIÊU, NGUYÊN TẮC PHÂN CẤP:**

#### **1. Mục tiêu phân cấp quản lý:**

Nhằm tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực du lịch trên địa bàn thành phố, tạo môi trường hoạt động du lịch lành mạnh phát triển, hướng đến mục tiêu “Thành phố Hồ Chí Minh - Điểm đến thân thiện, hấp dẫn, an toàn”.

Quy định chức năng, phân công nhiệm vụ, quyền hạn cho các ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện trong việc quản lý và phối hợp quản lý nhà nước đối với ngành du lịch Thành phố; nâng cao vai trò và trách nhiệm của quận, huyện trong việc giữ gìn môi trường, văn minh du lịch, đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại các khu, điểm du lịch; phát huy tính chủ động, sáng tạo trong việc quảng bá, xúc tiến, thu hút đầu tư phát triển du lịch địa phương.

Hạn chế những bất cập, khó khăn trong công tác quản lý các doanh nghiệp kinh doanh lữ hành, cơ sở lưu trú du lịch, các khu, tuyến, điểm du lịch trên địa bàn, đề ra những giải pháp phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với ngành du lịch trên địa bàn Thành phố trong thời gian tới.

#### **2. Nguyên tắc phân cấp quản lý:**

Việc phân cấp bảo đảm tuân thủ pháp luật, tính thống nhất trong quản lý nhà nước; đảm bảo hiệu lực, hiệu quả và phù hợp với đặc điểm, thực trạng quản lý ngành du lịch trên địa bàn Thành phố. Nội dung quản lý nhà nước về du lịch thực hiện theo Luật Du lịch, các văn bản hiện hành của Chính phủ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Ủy ban nhân dân Thành phố.

Ủy ban nhân dân Thành phố thống nhất quản lý nhà nước đối với lĩnh vực du lịch trên địa bàn Thành phố, giao Sở Du lịch là cơ quan chủ trì, tham mưu cho Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện công tác quản lý nhà nước về du lịch trên địa bàn toàn Thành phố; phân cấp cho Ủy ban nhân dân các quận, huyện thực hiện một số chức năng quản lý nhà nước và thẩm quyền giải quyết một số thủ tục hành chính trong lĩnh vực du lịch ở địa phương.

#### **IV. NỘI DUNG PHÂN CẤP:**

Căn cứ Nghị định số 92/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Du lịch; Nghị định số 180/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Du lịch; Thông tư số 88/2008/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn thực hiện Nghị định số 92/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Du lịch; Thông tư số 19/2014/TT-BHVTTL ngày 08 tháng 12 năm 2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 88/2008/TT-BVHTTDL, Thông tư số 17/2010/TT-BVHTTDL, Thông tư số 03/2013/TT-BVHTTDL; Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố thuộc Trung ương; Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và tình hình cụ thể của từng địa phương, Ủy ban nhân dân Thành phố phân công và phân cấp quản lý về Du lịch trên địa bàn Thành phố như sau:

##### **1. Giao Sở Du lịch:**

###### **a) Thực hiện các chức năng quản lý nhà nước ngành du lịch:**

- Tham mưu xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành du lịch căn cứ theo chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội chung của Thành phố, của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt.

- Tham gia nghiên cứu, thẩm định các đề tài nghiên cứu khoa học và tham gia nghiên cứu xây dựng các chương trình, dự án đầu tư phát triển thuộc lĩnh vực du lịch theo phân công của Ủy ban nhân dân Thành phố và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; kiểm tra việc thực hiện các chương trình, dự án đầu tư phát triển và đề tài khoa học thuộc lĩnh vực du lịch trên địa bàn Thành phố.

- Tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, công nhận và phân cấp quản lý, khai thác, sử dụng các khu du lịch, điểm du lịch, tuyến du lịch và các tài nguyên du lịch trên địa bàn Thành phố.

- Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các ngành, các cấp, các

tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân trong việc chấp hành pháp luật trong lĩnh vực du lịch.

- Nghiên cứu, đề xuất, kiến nghị với Ủy ban nhân dân Thành phố và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung, cụ thể hóa các chính sách, chế độ có liên quan đến hoạt động du lịch phù hợp với thực tế Thành phố.

- Quản lý nhà nước đối với các công ty kinh doanh lữ hành quốc tế, công ty kinh doanh lữ hành nội địa, công ty liên doanh hoạt động trong lĩnh vực du lịch, các văn phòng đại diện công ty du lịch nước ngoài tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Quản lý hoạt động các cơ sở lưu trú du lịch gồm: khách sạn, làng du lịch, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch và các cơ sở lưu trú du lịch khác trên địa bàn thành phố (quy định tại các Điểm a, b, c, d và h, Khoản 1, Điều 17 Nghị định số 92/2007/NĐ-CP).

- Thẩm định hoặc tham gia thẩm định các chương trình, đề án, dự án đầu tư có liên quan đến xây dựng, cải tạo, nâng cấp cơ sở lưu trú du lịch và các dịch vụ có liên quan đến lĩnh vực lưu trú trên địa bàn Thành phố.

- Hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra, xử lý các tổ chức kinh tế, các cá nhân trong nước và nước ngoài hoạt động và kinh doanh trong lĩnh vực du lịch trong việc chấp hành pháp luật.

- Giải quyết các vụ việc tranh chấp, khiếu nại, tố cáo của công dân và các tổ chức có liên quan đến lĩnh vực du lịch theo quy định của pháp luật.

- Quyết định hoặc đề nghị Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành quyết định xử lý vi phạm hành chính trong hoạt động du lịch trên địa bàn Thành phố theo quy định pháp luật.

- Phối hợp với Cục Thống kê thực hiện chế độ thống kê thông tin kinh tế (số lượng khách du lịch, thị trường, doanh thu...) trong hoạt động kinh doanh du lịch trên địa bàn để phục vụ cho công tác báo cáo, nghiên cứu khoa học, dự báo xây dựng chiến lược phát triển du lịch và kinh tế Thành phố.

- Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân thực hiện báo cáo thống kê theo quy định. Tiếp nhận, xử lý, phân tích số liệu thống kê trong lĩnh vực du lịch phục vụ công tác nghiên cứu, thống kê theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân Thành phố và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Chủ trì xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên du lịch của Thành phố.
- Thực hiện hợp tác quốc tế trong lĩnh vực du lịch theo quy định và theo phân công của Ủy ban nhân dân Thành phố.

**b) Về các thủ tục hành chính lĩnh vực du lịch thuộc thẩm quyền Sở giải quyết:**

- Cấp mới, cấp lại quyết định công nhận đạt hạng 1 sao, 2 sao cho khách sạn, làng du lịch, căn hộ du lịch, hạng đạt tiêu chuẩn kinh doanh biệt thự.
- Tiếp nhận hồ sơ, phối hợp với Tổng cục Du lịch thẩm định cơ sở lưu trú du lịch đề nghị hạng 3 sao, 4 sao, 5 sao hoặc hạng cao cấp.
- Hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ đăng ký cấp giấy phép kinh doanh lữ hành quốc tế chuyển Tổng cục Du lịch giải quyết theo thẩm quyền.
- Cấp mới, cấp lại, gia hạn giấy phép thành lập Văn phòng đại diện doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam.
- Cấp mới, cấp đổi, cấp lại thẻ Hướng dẫn viên du lịch quốc tế.
- Cấp mới, cấp đổi, cấp lại thẻ Hướng dẫn viên du lịch nội địa.
- Tiếp nhận hồ sơ thông báo kinh doanh lữ hành nội địa.
- Cấp Giấy xác nhận xe ô tô vận chuyển khách du lịch.
- Cấp Giấy chứng nhận Thuyết minh viên du lịch.

**2. Phân cấp thẩm quyền cho Ủy ban nhân dân quận, huyện:**

**a) Về thực hiện chức năng quản lý nhà nước ngành du lịch ở địa phương:**

- Căn cứ quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Thành phố đã được duyệt, Ủy ban nhân dân các quận, huyện xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch phát triển ngành du lịch phù hợp với tình hình thực tiễn địa phương.
- Lập hồ sơ đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, công nhận và quản lý, khai thác, sử dụng các khu du lịch, điểm du lịch, tuyến du lịch, các tài nguyên du lịch ở địa phương.
- Chủ trì triển khai các mô hình, giải pháp bảo vệ an ninh trật tự cho khách du lịch, vệ sinh môi trường tại các khu, tuyến, điểm du lịch địa phương.
- Tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật du lịch tại địa phương; hướng dẫn

doanh nghiệp và cá nhân trên địa bàn trong việc chấp hành các quy định pháp luật về du lịch.

- Quản lý hoạt động đối với các đại lý lữ hành.

- Quản lý hoạt động của các cơ sở kinh doanh dịch vụ mua sắm và cơ sở kinh doanh ăn uống phục vụ khách du lịch.

- Quản lý hoạt động của các bãi cắm trại, nhà nghỉ du lịch, nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê (theo Điểm đ, e và g Khoản 1, Điều 17 Nghị định số 92/2007/NĐ-CP) và các cơ sở lưu trú chưa xếp hạng sao tại địa phương.

- Kiểm tra, xử lý các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trên địa bàn trong việc chấp hành các quy định pháp luật về du lịch; tiếp nhận giải quyết các vụ việc tranh chấp, khiếu nại, tố cáo liên quan đến lĩnh vực du lịch theo quy định của pháp luật.

- Phối hợp với Chi cục Thống kê thực hiện chế độ thống kê thông tin kinh tế (số lượng khách du lịch, thị trường, doanh thu...) trong hoạt động kinh doanh du lịch trên địa bàn phục vụ công tác báo cáo, dự báo xây dựng kế hoạch phát triển du lịch và kinh tế ở địa phương.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên du lịch địa phương và phối hợp Sở Du lịch xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên du lịch của Thành phố.

#### **b) Về phối hợp Sở Du lịch giải quyết một số thủ tục hành chính lĩnh vực du lịch:**

Ủy ban nhân dân quận, huyện tổ chức tiếp nhận hồ sơ, thực hiện công tác kiểm tra, thẩm định và chuyển hồ sơ đến Sở Du lịch để:

- Cấp mới, cấp lại quyết định công nhận nhà nghỉ du lịch.

- Cấp mới, cấp lại biển hiệu đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống.

- Cấp biển hiệu đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ mua sắm.

#### **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:**

- Sở Du lịch chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các quận, huyện rà soát, lập danh sách các cơ sở lưu trú du lịch, các doanh nghiệp lữ hành, các cá nhân, tổ chức hoạt động đại lý lữ hành và các thủ tục hành chính trong lĩnh vực du lịch để cụ thể

hóa việc phân cấp cho Ủy ban nhân dân các quận, huyện quản lý ngành du lịch theo Đề án này.

- Giao Sở Du lịch tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố xây dựng Quy chế phối hợp giữa các sở, ngành, quận, huyện trong quản lý nhà nước ngành du lịch; chủ trì tổ chức các lớp tập huấn nghiệp vụ quản lý ngành cho các quận, huyện khi triển khai Đề án phân cấp.

- Ủy ban nhân dân các quận, huyện căn cứ tính chất, đặc điểm của ngành du lịch và tình hình thực tiễn địa phương giao Phòng Kinh tế chủ trì, phối hợp Phòng Văn hóa - Thông tin các quận, huyện thực hiện chức năng tham mưu cho Ủy ban nhân dân các quận, huyện quản lý nhà nước về du lịch. Việc phân công cán bộ chuyên trách lĩnh vực du lịch không làm tăng thêm biên chế, số lượng biên chế trong tổng số biên chế của Ủy ban nhân dân Thành phố giao cho Ủy ban nhân dân quận, huyện./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Lê Hoàng Quân**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4734/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 9 năm 2015*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Kế hoạch kiểm tra thực hiện ISO điện tử đối với việc xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 tại các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước tại Thành phố Hồ Chí Minh năm 2015**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết thi hành Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 2523/QĐ-UBND ngày 15 tháng 5 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc phê duyệt Kế hoạch triển khai ISO điện tử thực hiện theo Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 1835/TTr-SKHCN ngày 14 tháng 9 năm 2015 về Kế hoạch kiểm tra thực hiện ISO điện tử đối với việc xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 tại các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước tại Thành phố Hồ Chí Minh năm 2015,



**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Kế hoạch kiểm tra thực hiện ISO điện tử đối với việc xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng (HTQLCL) theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 tại các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước thuộc Thành phố Hồ Chí Minh năm 2015.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

**Điều 3.** Kinh phí kiểm tra được sử dụng từ nguồn kinh phí Ủy ban nhân dân Thành phố cấp cho Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện công tác kiểm tra thực hiện ISO điện tử đối với việc xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng (HTQLCL) theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008.

**Điều 4.** Sở Khoa học và Công nghệ, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Thành phố có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này theo đúng quy định hiện hành.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; Giám đốc các Sở ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Tất Thành Cang**

**KẾ HOẠCH KIỂM TRA**

**Thực hiện ISO điện tử đối với việc xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 tại các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước tại Thành phố Hồ Chí Minh năm 2015**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4734/QĐ-UBND*

*ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

**I. Đơn vị kiểm tra:** Sở Khoa học và Công nghệ, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng.

**II. Hình thức kiểm tra:** theo 1 trong 2 hình thức:

- Kiểm tra thực tế tại trụ sở cơ quan.
- Theo chế độ báo cáo và hồ sơ yêu cầu.

**III. Nội dung kiểm tra:** Đính kèm đề cương kiểm tra thực hiện ISO điện tử đối với việc xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 tại các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước tại Thành phố Hồ Chí Minh.

<b>TT</b>	<b>Tên cơ quan chịu sự kiểm tra</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Thời gian kiểm tra (dự kiến)</b>
<b>I</b>	<b>Kiểm tra thực tế tại trụ sở cơ quan</b>		
1	Sở Giáo dục và Đào tạo	66-68 Lê Thánh Tôn, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	Tháng 10
2	Sở Ngoại vụ	06 Alexandre De Rhodes, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	Tháng 10
3	Sở Lao động-Thương binh và Xã hội	159 Pasteur, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh	Tháng 10
4	Ban Quản lý Khu Công nghệ cao	Lô T2-3, đường D1, Khu Công nghệ cao, phường Tân Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh	Tháng 10
5	Ban Quản lý Khu chế xuất và	35 Nguyễn Bình Khiêm,	Tháng 10

	Khu công nghiệp TPHCM	phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	
6	Chi cục Quản lý Chất lượng và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản	126H Phan Đăng Lưu, Phường 3, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh	Tháng 10
7	Chi cục Thủy lợi và Phòng chống lụt bão	176 Lầu 2, Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	Tháng 10
8	Chi cục An toàn Vệ sinh thực phẩm	59 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	Tháng 10
9	Ủy ban nhân dân Quận 1	47 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	Tháng 10
10	Ủy ban nhân dân Quận 4	05 Đoàn Như Hải, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh	Tháng 10
11	Ủy ban nhân dân Quận 7	1362 Huỳnh Tấn Phát, phường Phú Mỹ, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh	Tháng 10
12	Ủy ban nhân dân Quận 8	04 Đường 1011 Phạm Thế Hiển, Phường 5, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh	Tháng 10
13	Ủy ban nhân dân Quận 10	474 Đường 3/2, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh	Tháng 11
14	Ủy ban nhân dân Quận 11	270 Bình Thới, Phường 10, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh	Tháng 11
15	Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	155 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 11, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh	Tháng 11
16	Ủy ban nhân dân quận Bình Tân	521 Kinh Dương Vương, phường An Lạc, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh	Tháng 11
17	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	19 Quang Trung, Phường 10, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh	Tháng 11
18	Ủy ban nhân dân huyện Bình	E8/9 Nguyễn Hữu Trí, thị trấn Tân Túc, huyện Bình	Tháng 11

	Chánh	Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh	
19	Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè	330 Nguyễn Bình, ấp 1, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	Tháng 11
20	Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ	Đường Lương Văn Nho, khu phố Giồng Ao, thị trấn Cần Thạnh, huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh	Tháng 11
21	Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn	01 Lý Nam Đế, thị trấn Hóc Môn, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh	Tháng 11
22	Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi	Khu phố 7, thị trấn Củ Chi, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh	Tháng 11
23	Ủy ban nhân dân quận Tân Phú	70 Thoại Ngọc Hầu, Phường 14, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh	Tháng 11
24	Ủy ban nhân dân Quận 9	2/304 Xa lộ Hà Nội, phường Hiệp Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh	Tháng 11
25	Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức	43 Nguyễn Văn Bá, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	Tháng 11
<b>II</b>	<b>Theo chế độ báo cáo và hồ sơ yêu cầu</b>		
26	Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố	86 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	Tháng 6, Tháng 11
27	Ủy ban nhân dân Quận 2	249 Lương Định Của, phường An Phú, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh	Tháng 6, Tháng 11
28	Ủy ban nhân dân Quận 3	99 Trần Quốc Thảo, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh	Tháng 6, Tháng 11
29	Ủy ban nhân dân Quận 5	203 An Dương Dương, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh	Tháng 6, Tháng 11
30	Ủy ban nhân dân Quận 6	01 Cao Văn Lầu, Phường 1, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh	Tháng 6, Tháng 11
31	Ủy ban nhân dân Quận 12	01 Lê Thị Riêng, phường Thới An, Quận 12, Thành	Tháng 6, Tháng 11

		phố Hồ Chí Minh	
32	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	06 Phan Đăng Lưu, Phường 14, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	Tháng 6, Tháng 11
33	Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	387A Trường Chinh, Phường 14, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Tháng 6, Tháng 11
34	Sở Khoa học và Công nghệ	244 Điện Biên Phủ, Phường 7, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh	Tháng 6, Tháng 11
35	Sở Văn hóa và Thể thao	164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	Tháng 6, Tháng 11
36	Sở Tài nguyên và Môi trường	63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	Tháng 6, Tháng 11
37	Sở Giao thông Vận tải	63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	Tháng 6, Tháng 11
38	Sở Y tế	59 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	Tháng 6, Tháng 11
39	Sở Xây dựng	60 Trương Định, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh	Tháng 6, Tháng 11
40	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	176 Hai Bà Trưng, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	Tháng 6, Tháng 11
41	Sở Tài Chính	142 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh	Tháng 6, Tháng 11
42	Sở Công Thương	163 Hai Bà Trưng, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh	Tháng 6, Tháng 11
43	Sở Quy hoạch Kiến trúc	168 Pasteur, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	Tháng 6, Tháng 11
44	Sở Tư pháp	141-143, Pasteur, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh	Tháng 6, Tháng 11
45	Sở Nội vụ	86B, Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	Tháng 6, Tháng 11
46	Sở Kế hoạch và Đầu tư	02 Lê Thánh Tôn, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	Tháng 6, Tháng 11

47	Sở Thông tin và Truyền thông	59 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	Tháng 6, Tháng 11
48	Sở Du lịch	140 Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh	Tháng 6, Tháng 11
49	Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy	258 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	Tháng 6, Tháng 11
50	Thanh tra Thành phố	13 Trần Quốc Thảo, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh	Tháng 6, Tháng 11
51	Chi cục Phòng chống Tệ nạn Xã hội	153 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 17, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	Tháng 6, Tháng 11
52	Chi cục Thú y	151 Lý Thường Kiệt, Phường 7, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh	Tháng 6, Tháng 11
53	Chi cục Bảo vệ thực vật	10 Nguyễn Huy Tưởng, Phường 6, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	Tháng 6, Tháng 11
54	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	263 Điện Biên Phủ, Phường 7, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh	Tháng 6, Tháng 11
55	Chi cục Bảo vệ Môi trường	227 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	Tháng 6, Tháng 11
56	Chi cục Lâm nghiệp	51A5, Nguyễn Oanh, Phường 17, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh	Tháng 6, Tháng 11
57	Chi cục Dân số Kế hoạch hóa Gia đình	250 Pasteur, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh	Tháng 6, Tháng 11
58	Chi cục Quản lý thị trường	247 Điện Biên Phủ, Phường 7, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh	Tháng 6, Tháng 11
59	Chi cục Phát triển Nông thôn	182 Nguyễn Duy Dương, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh	Tháng 6, Tháng 11
60	Chi cục Kiểm lâm	01 Phạm Ngọc Thạch, Phường 14, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh	Tháng 6, Tháng 11

61	Ban Quản lý Khu Nam	9-11 Tân Phú, phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh	Tháng 6, Tháng 11
62	Ủy ban Người Việt Nam ở nước ngoài	147 Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh	Tháng 6, Tháng 11
63	Ban Dân tộc	108 Ngô Quyền, Phường 8, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh	Tháng 6, Tháng 11
64	Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng Khu đô thị mới Thủ Thiêm	177 Lý Chính Thắng, Phường 7, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh	Tháng 6, Tháng 11

**Ghi chú:** Hàng năm, các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước thực hiện báo cáo tình hình xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 định kỳ vào tháng 6 và tháng 11.

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4736/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 9 năm 2015*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về duyệt nhiệm vụ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000  
(điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000)  
Khu dân cư liên Phường 13, 14, 15, Quận 5**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 24/2010/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 10/2010/TT-BXD ngày 11 tháng 8 năm 2010 của Bộ Xây dựng quy định hồ sơ của từng loại quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2008 của Bộ Xây dựng về ban hành “Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng”;

Căn cứ Quyết định số 28/2011/QĐ-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định về điều chỉnh quy hoạch đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 50/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về thẩm định, phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn Thành phố;



Căn cứ Quyết định số 62/2012/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2012 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 50/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về thẩm định, phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn Thành phố;

Căn cứ Quyết định số 6786/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 1998 của Ủy ban nhân dân Thành phố về duyệt đồ án quy hoạch chung xây dựng Quận 5;

Xét đề nghị của Sở Quy hoạch - Kiến trúc tại Tờ trình số 2387/TTr-SQHKT ngày 13 tháng 7 năm 2015 về trình duyệt nhiệm vụ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 (điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000) Khu dân cư liên Phường 13, 14, 15, Quận 5,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Duyệt nhiệm vụ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 (điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000) Khu dân cư liên Phường 13, 14, 15, Quận 5, với các nội dung chính như sau:

#### **1. Vị trí, phạm vi ranh giới, diện tích, tính chất khu vực quy hoạch:**

- Vị trí khu vực quy hoạch: thuộc Phường 13, Phường 14, Phường 15, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh;

- Giới hạn khu vực quy hoạch như sau:

+ Phía Đông: giáp đường Đỗ Ngọc Thạnh, đường Hồng Bàng, đường Hải Thượng Lãn Ông, đường Châu Văn Liêm và đường Vạn Kiếp.

+ Phía Tây: giáp đường Nguyễn Thị Nhỏ, đường Ngô Nhân Tịnh và đường Trang Tử.

+ Phía Nam: giáp kênh Tàu Hủ.

+ Phía Bắc: giáp đường Nguyễn Chí Thanh.

- Tổng diện tích khu vực quy hoạch: 74,21 ha.

- Tính chất của khu vực quy hoạch: khu dân cư đô thị, dịch vụ công cộng và công viên cây xanh.

#### **2. Cơ quan tổ chức lập nhiệm vụ quy hoạch phân khu:**

Ủy ban nhân dân Quận 5 (Chủ đầu tư: Ban Quản lý Đầu tư - Xây dựng Công trình Quận 5).

**3. Đơn vị tư vấn lập nhiệm vụ quy hoạch phân khu:**

Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Đầu tư Xây dựng Hưng Định.

**4. Hồ sơ, bản vẽ nhiệm vụ quy hoạch phân khu:**

- Thuyết minh nhiệm vụ quy hoạch phân khu.

- Thành phần bản vẽ bao gồm:

+ Sơ đồ vị trí khu vực quy hoạch trích từ quy hoạch chung đô thị, tỷ lệ 1/10000.

+ Bản đồ ranh giới nghiên cứu, phạm vi khu vực lập quy hoạch phân khu, tỷ lệ 1/2000.

**5. Dự báo quy mô dân số, các chỉ tiêu sử dụng đất, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đô thị trong khu vực quy hoạch:**

**5.1. Dự báo quy mô dân số:** khoảng 45.000 người (dân số hiện trạng khoảng 33.414 người)

**5.2. Các chỉ tiêu dự kiến về sử dụng đất, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật đô thị trong khu vực quy hoạch:**

STT	Loại chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu
A	Chỉ tiêu sử dụng đất toàn khu quy hoạch	m <sup>2</sup> /người	16,5
B	Chỉ tiêu đất đơn vị ở trung bình toàn khu quy hoạch	m <sup>2</sup> /người	Từ: 12,7 Đến: 17
C	Các chỉ tiêu sử dụng đất trong đơn vị ở		
	- Đất các nhóm nhà ở	m <sup>2</sup> /người	Từ: 7 Đến: 9
	- Đất công trình giáo dục cấp đơn vị ở (trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở)	m <sup>2</sup> /người	Từ: 0,2 Đến: 1,0
	- Đất cây xanh sử dụng công cộng (vườn hoa, sân chơi, sân bãi thể dục thể thao)	m <sup>2</sup> /người	Từ: 0,2 Đến: 1,0
	- Đất công trình dịch vụ đô thị khác cấp đơn vị ở. Trong đó:	m <sup>2</sup> /người	Từ: 0,5 Đến: 2,0
	+ Trạm y tế	m <sup>2</sup> /người	(Cần nghiên cứu, đề xuất cụ thể trong
	+ Chợ	m <sup>2</sup>	
	+ Trung tâm thể dục thể thao (luyện tập)	m <sup>2</sup> /người, hoặc	

	+ Điểm sinh hoạt văn hóa (nếu có)	ha/công trình m <sup>2</sup>	giai đoạn lập bước đồ án)
	+ Trung tâm hành chính cấp Phường (nếu có)	m <sup>2</sup>	
	+ Trung tâm dịch vụ khác,....(nếu có)	m <sup>2</sup>	
	- Đất đường giao thông cấp phân khu vực	km/km <sup>2</sup>	13,3 - 10
D	Các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật đô thị		
	Đất giao thông tính đến mạng lưới đường khu vực (từ đường khu vực trở lên), kể cả giao thông tĩnh	%	≥ 13
	Tiêu chuẩn cấp nước	lít/người/ngày	180
	Tiêu chuẩn thoát nước	lít/người/ngày	180
	Tiêu chuẩn cấp điện	kwh/ng/năm	1800 - 3000
	Tiêu chuẩn rác thải, chất thải	kg/người/ngày	1,3

### 6. Các yêu cầu và nguyên tắc cơ bản về phân khu chức năng, kiến trúc, kết nối hạ tầng trong khu vực quy hoạch:

- Trên cơ sở định hướng phát triển không gian; điều kiện và định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội tại từng khu vực theo đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Thành phố đã được phê duyệt và các Quy chuẩn Xây dựng Việt Nam, các Quy định về quản lý kiến trúc đô thị của các cơ quan có thẩm quyền để xác định các khu chức năng, các chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị phù hợp tại từng khu chức năng, từng ô đường.

- Nội dung nghiên cứu của đồ án cần đáp ứng yêu cầu theo định hướng các quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực; mạng lưới giao thông được tổ chức và kết nối theo tầng bậc, được cập nhật và bảo đảm kết nối hạ tầng kỹ thuật của các dự án đầu tư xây dựng, các đồ án quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500) trong phạm vi khu vực quy hoạch; kết nối đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội với các quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 tiếp giáp khu vực quy hoạch, phù hợp với đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Thành phố đã được phê duyệt.

- Kết hợp với khu vực dân cư hiện hữu để khai thác các công trình dịch vụ công cộng sẵn có làm điểm nhấn, tạo tiền đề phát triển khu vực.

- Xác định ranh các đơn vị ở phù hợp, trong đó có trung tâm cấp đơn vị ở và các nhóm ở theo từng loại hình nhà ở (thấp tầng, cao tầng); các đơn vị ở cần được nghiên cứu xác định với quy mô dân số và cơ cấu sử dụng đất phù hợp (đường giao thông chính đô thị không chia cắt đơn vị ở); các công trình dịch vụ công cộng, khu công viên cây xanh, sân chơi - thể dục thể thao,... bảo đảm bán kính phục vụ cho các nhóm nhà ở và các đơn vị ở phù hợp với QCVN 01:2008/BXD.

- Công viên cây xanh: tận dụng các quỹ đất còn lại để tổ chức mảng xanh kết hợp mặt nước tạo không gian thông thoáng, vi khí hậu tốt, thuận lợi cho người dân tiếp cận sử dụng.

### **7. Yêu cầu đánh giá môi trường chiến lược:**

- Đánh giá hiện trạng môi trường về điều kiện địa hình; điều kiện tự nhiên; chất thải rắn, nước thải, tiếng ồn; các vấn đề xã hội, văn hóa, cảnh quan thiên nhiên;

- Phân tích, dự báo những tác động tích cực và tiêu cực ảnh hưởng đến môi trường; đề xuất hệ thống các tiêu chí bảo vệ môi trường để đưa ra các giải pháp quy hoạch không gian và hạ tầng kỹ thuật tối ưu cho khu vực quy hoạch;

- Đề ra các giải pháp giảm thiểu, khắc phục tác động đối với dân cư, cảnh quan thiên nhiên; không khí, tiếng ồn khi triển khai thực hiện quy hoạch đô thị;

- Lập kế hoạch giám sát môi trường về kỹ thuật, quản lý và quan trắc môi trường.

### **8. Hồ sơ sản phẩm của đề án, tiến độ và tổ chức thực hiện:**

#### **8.1. Danh mục, hồ sơ sản phẩm của đề án (17 bộ):**

- Thuyết minh tổng hợp.  
- Sơ đồ vị trí và giới hạn khu đất, tỷ lệ 1/10.000 hoặc 1/25.000.  
- Bản đồ hiện trạng kiến trúc cảnh quan và đánh giá đất xây dựng, tỷ lệ 1/2.000.  
- Các bản đồ hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và bảo vệ môi trường, tỷ lệ 1/2.000, bao gồm:

- + Bản đồ hiện trạng hệ thống giao thông.
- + Bản đồ hiện trạng cao độ nền và thoát nước mặt.
- + Bản đồ hiện trạng hệ thống cấp điện chiếu sáng.
- + Bản đồ hiện trạng hệ thống cấp nước.

- + Bản đồ hiện trạng hệ thống thoát nước thải và xử lý chất thải rắn.
- + Bản đồ hiện trạng hệ thống thông tin liên lạc.
- + Bản đồ hiện trạng môi trường.
- Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất, tỷ lệ 1/2.000 (có thể hiện sơ đồ thu nhỏ xác định ranh các đơn vị ở trên bản vẽ này).
- Sơ đồ tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan, tỷ lệ 1/2.000.
- Các bản đồ thiết kế đô thị.
- Bản đồ quy hoạch giao thông.
- Bản đồ chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng (tùy theo nội dung và quy mô đồ án, có thể gộp chung với bản đồ quy hoạch giao thông).
- Các bản đồ quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác và môi trường, tỷ lệ 1/2.000, bao gồm:
  - + Bản đồ quy hoạch cao độ nền và thoát nước mặt đô thị.
  - + Bản đồ quy hoạch cấp điện và chiếu sáng đô thị.
  - + Bản đồ quy hoạch cấp nước đô thị.
  - + Bản đồ quy hoạch thoát nước thải và xử lý chất thải rắn đô thị.
  - + Bản đồ quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc.
  - Bản đồ tổng hợp đường dây, đường ống kỹ thuật.
  - Bản đồ đánh giá môi trường chiến lược.
  - Dự thảo Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000.
  - Địa CD lưu trữ toàn bộ hồ sơ đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 bao gồm thuyết minh, bản vẽ và dự thảo Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000.

## **8.2. Tiến độ và tổ chức thực hiện:**

**a) Tiến độ thực hiện:** thời gian lập đồ án quy hoạch phân khu tối đa 09 tháng kể từ ngày phê duyệt nhiệm vụ.

### **b) Tổ chức thực hiện:**

- Cơ quan tổ chức lập quy hoạch: Ủy ban nhân dân Quận 5 (chủ đầu tư: Ban quản lý đầu tư xây dựng công trình Quận 5).

- Đơn vị tư vấn: Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Đầu tư Xây dựng Hưng Định.

- Cơ quan thẩm định: Sở Quy hoạch - Kiến trúc.

- Cơ quan phê duyệt: Ủy ban nhân dân Thành phố.

**9. Các điểm lưu ý khi nghiên cứu, lập đề án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 (điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000):**

- Về kiến trúc cảnh quan - thiết kế đô thị khu vực: nội dung nghiên cứu về tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan cần giữ gìn tính chất đặc thù, phát huy được bản sắc, đồng thời xác định các khu vực có giá trị về di sản kiến trúc để bảo tồn phát huy.

- Về bố trí các công trình hạ tầng kỹ thuật: trong phạm vi đề án cần nghiên cứu bố trí các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật, bảo đảm phục vụ cho khu vực quy hoạch và cấp đô thị.

- Quy hoạch hệ thống đường giao thông phù hợp với tính chất là một khu dân cư hiện hữu cải tạo, kết nối đồng bộ theo tầng bậc, song song với việc nâng cấp hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật hiện hữu.

- Cần lưu ý dành quỹ đất từ việc di dời xưởng và xí nghiệp để bố trí các công trình phúc lợi công cộng - hạ tầng xã hội, cây xanh; đồng thời lưu ý dành quỹ đất phù hợp để bố trí các công trình bến bãi đậu xe, phù hợp với quy hoạch phát triển giao thông, bến bãi trên địa bàn Thành phố.

- Cần lưu ý tiếp thu, ghi nhận và giải trình các ý kiến đóng góp của cộng đồng dân cư có liên quan đến đề án quy hoạch (theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ cơ sở) để có giải pháp quy hoạch phù hợp, khả thi.

- Nội dung hồ sơ, hình thức, quy cách thể hiện bản vẽ đề án cần thực hiện theo Quyết định số 21/2005/QĐ-BXD ngày 22 tháng 7 năm 2005 của Bộ Xây dựng về việc ban hành quy định hệ thống ký hiệu bản vẽ trong các đề án quy hoạch xây dựng và Thông tư số 10/2010/TT-BXD ngày 11 tháng 8 năm 2010 của Bộ Xây dựng quy định hồ sơ của từng loại quy hoạch đô thị. Tầng cao công trình cần được xác định theo QCVN 03:2012/BXD.

**Điều 2. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan**

- Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Ủy ban nhân dân Quận 5 và đơn vị tư vấn khảo sát, lập bản đồ hiện trạng chịu trách nhiệm về tính chính xác các số liệu đánh giá hiện trạng trong hồ sơ, bản vẽ nhiệm vụ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 (điều chỉnh quy

hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000) Khu dân cư liên Phường 13, 14, 15, Quận 5.

- Trên cơ sở nhiệm vụ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 (điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000) này được phê duyệt, Ủy ban nhân dân Quận 5 cần tổ chức lập, trình thẩm định và phê duyệt đồ án quy hoạch trong thời hạn theo tiến độ được nêu tại điểm 8.2, khoản 8, Điều 1 Quyết định này để làm cơ sở quản lý xây dựng đô thị, phát triển đô thị theo quy hoạch.

**Điều 3.** Quyết định này có đính kèm các bản vẽ, thuyết minh nhiệm vụ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 (điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000) Khu dân cư liên Phường 13, 14, 15, Quận 5 được nêu tại khoản 4, Điều 1 Quyết định này.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phát triển Thành phố, Thủ trưởng các Sở - Ban - Ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 5, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 13, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 14, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 15 và Ban quản lý Đầu tư Xây dựng công trình Quận 5, các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Hữu Tín**

---

**VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: [tcb.ubnd@tphcm.gov.vn](mailto:tcb.ubnd@tphcm.gov.vn)

Website: [www.congbao.hochiminhcity.gov.vn](http://www.congbao.hochiminhcity.gov.vn)

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng